

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2017/DS-ST
Ngày: 11/12/2017
V/v tranh chấp di sản thừa kế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị N Anh;
2. Ông Đào Văn Nô.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Hường - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Kiên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06 và 11 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 04/2014/TLST-DS ngày 04 tháng 04 năm 2014 về “Tranh chấp di sản thừa kế” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2017/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Tấn V, sinh năm 1974, địa chỉ: Tổ 3, khu phố K, phường T, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Chánh Thi, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ 2, khu phố B, phường T, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Có mặt

2. Bị đơn:

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1961; địa chỉ: Tổ 3, khu phố K, phường T, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Có mặt

- Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1956; địa chỉ: Tổ 3, khu phố K, phường T, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Có mặt

- Ông Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1963; địa chỉ: Tổ 3, khu phố K, phường T, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. (Chết ngày 09/6/2017), người kế thừa quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của ông Nguyễn Tấn Đ: Bà Chia A (vợ), sinh năm 1959; ông Nguyễn Hữu L (con), sinh năm 1990; ông Nguyễn Tấn L (con), sinh năm 1983; bà Nguyễn Thanh H (con), sinh năm 1996; Cùng địa chỉ: tổ 3, khu phố K, phường T, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. (Ông Nguyễn Hữu L có mặt, bà Chi A Tắc, ông Nguyễn Tấn L, bà Nguyễn Thanh H có đơn xin vắng mặt).

4) Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1966; địa chỉ: Ấp 4, xã H, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt

5) Ông Nguyễn Tấn P, sinh năm 1972; địa chỉ: khu phố B, phường T, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt

6) Ông Nguyễn Tấn B, sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ 3, khu phố K, phường T, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt

3. Người có quyền L nghĩa vụ liên quan:

- Bà Bùi Thị G, sinh năm 1931; địa chỉ: Tổ 3, khu phố K, phường T, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt

- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1974; địa chỉ: Tổ 3, khu phố K, phường T, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Chánh T trình bày:

Trước năm 1961, ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1928, chung sống với bà Lâm Thị L có 03 người con chung gồm: bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Tấn Đ. Năm 1961, bà L chết, ông B chung sống với bà Bùi Thị G có 04 người con chung là bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Tấn P, ông Nguyễn Tấn V và ông Nguyễn Tấn B.

Ngày 14/11/2012, ông Nguyễn Văn B chết theo giấy chứng tử số 84/2012, quyền số 01/2012 do UBND thị trấn (nay là phường) T cấp ngày 22/11/2012, ông B không để lại di chúc, di sản do ông B để lại gồm:

1. Quyền sử dụng diện tích đất khoảng 12.186m² thuộc các thửa đất số 209, 255, 256, 257, 258, 287, 553, 554, 583, 584, 667, 668, 698, 699 và 700; cùng tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại phường T, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00545 QSDĐ/TU ngày 29/7/1999 do UBND thị xã Tân Uyên cấp cho ông Nguyễn Văn B.

2. Quyền sử dụng diện tích đất khoảng 2.323 m² thuộc thửa đất số 124, tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại phường T, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 03805 QSDĐ/TU ngày 30/11/2004 do UBND thị xã Tân Uyên cấp cho ông Nguyễn Văn B. Trên thửa đất này có căn nhà cấp 4, diện tích khoảng 120m²; 03 căn nhà trọ (mỗi căn khoảng 20m²) và 01 nhà tạm diện tích khoảng 60m² do nguyên đơn xây dựng năm 2008.

Sau khi ông B chết, ông V và các đồng thừa kế đều đồng ý chia di sản do ông B để lại nhưng giữa ông V và các đồng thừa kế không thống nhất được cách chia mỗi người được nhận. Ông V đề nghị được nhận kỷ phần là diện tích đất gắn liền với tài sản do ông V xây dựng trên thửa đất 124 và đồng ý bồi hoàn lại phần giá trị di sản chênh lệch cho các đồng thừa kế nếu được nhận phần di sản nhiều hơn nhưng các anh chị em không đồng ý do đó nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn B để lại theo pháp luật.

Ngày 09 tháng 8 năm 2016, nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với các thửa đất 257, 258 và 209 tờ bản đồ số 03 do chưa xác định được vị trí. Ngày 19/10/2017, đại diện nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với 63m² thuộc thửa 142, tờ bản đồ số 05 tọa lạc tại phường T, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn yêu cầu Tòa án phân chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn B để lại cho các đồng thừa kế của ông B gồm bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Tấn Đ, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Tấn P, ông Nguyễn Tấn V và ông Nguyễn Tấn B, cụ thể như sau:

- Đối với quyền sử dụng diện tích đất theo đo đạc thực tế là 11.600,6m² thuộc các thửa đất số 255, 256, 287, 553, 554, 583, 584, 667, 668, 698, 699 và 700, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại phường T, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất số vào sổ 00543 QSDĐ/TU ngày 29/7/1999 do UBND thị xã Tân Uyên cấp cho hộ ông Nguyễn Văn B, yêu cầu chia đều cho các đồng thừa kế theo pháp luật, nguyên đơn yêu cầu nhận bằng giá trị.

- Đối với quyền sử dụng diện tích đất theo đo đạc thực tế 1.926,4 m² thuộc thửa đất số 124, tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại phường T, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 03805 QSDĐ/TU ngày 30/11/2004 do UBND thị xã Tân Uyên cấp cho hộ ông Nguyễn Văn B, yêu cầu được chia kỹ phần là diện tích đất gắn liền với tài sản trên đất do ông V xây dựng trên thửa đất 124 và đồng ý bồi hoàn giá trị di sản chênh lệch cho các đồng thừa kế khác nếu phần nhận di sản nhiều hơn.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị N và đại diện theo ủy quyền của bà T thống nhất trình bày:

Cha bà T, bà N là ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1928 và chết năm 2012, giấy chứng tử số 84/2012, quyền số 01/2012 do UBND phường T cấp ngày 22/11/2012, mẹ bà là Lâm Thị L, sinh năm 1930 và chết năm 1961, không có giấy chứng tử. Trong quá trình chung sống cha mẹ bà có 03 người con chung, gồm: Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị T và Nguyễn Tấn Đ. Căn cứ theo giấy khai sinh của chế độ cũ cấp ngày 7/8/1974 thì ông Đ sinh năm 1963, cha là Nguyễn Văn B, mẹ là vô danh. Tuy nhiên, thực tế ông Đ sinh năm 1959 có mẹ tên Lâm Thị L. Năm 1973-1974, cha bà sợ chế độ cũ bắt ông Đ đi quân dịch nên đã làm lại khai sinh cho ông Đ là sinh năm 1963. Năm 1961, bà L chết, năm 1966, ông B có qua lại với bà Bùi Thị G. Mối quan hệ giữa ông B với bà G rất đặc biệt, hai người không sống chung, không có quan hệ chăm sóc nuôi dưỡng mà chỉ qua lại với nhau một phần vì nhu cầu tình cảm tâm sinh lý. Ông B với bà G không phải là vợ chồng, đều có nhà riêng đất riêng, độc lập với nhau về mặt tài sản. Bà G sống với cha mẹ từ hồi đó tới giờ bà con khu phố ai cũng biết. Ông B thỉnh thoảng tới thăm bà G, bà G thỉnh thoảng tới thăm ông B kết quả là ông B và bà G được 04 người con chung là: Nguyễn Thị H, Nguyễn Tấn P, Nguyễn Tấn V, Nguyễn Tấn B. Cha mẹ của ông B là ông Nguyễn Văn Kiên và bà Võ Thị Kiêm cả hai ông bà không rõ năm sinh, năm chết và đều chết cách đây rất lâu.

Về tài sản là di sản thừa kế đang tranh chấp: Năm 2012, ông B chết không để lại di chúc. Sinh thời ông B và bà L tạo lập được khối tài sản chung là:

- 01 Quyền sử dụng đất diện tích khoảng 15.894m² gồm thửa đất 255; 256; 287; 553; 554; 583; 583; 585; 667; 668; 698; 699; 700, tờ bản đồ 03, theo GCNQSDĐ số 00543QSDĐ/TU do UBND thị xã Tân Uyên cấp ngày 29/7/1999, đất tọa lạc tại tổ 3, khu phố K, phường T, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Đăng ký biến động ngày 17/9/2007 nội dung tặng cho: Ông Nguyễn Tấn B (431m²); bà Nguyễn Thị T (496m²); ông Nguyễn Tấn P (362m²); ông Nguyễn Tấn V (662m²); bà Nguyễn Thị N (580m²); bà Nguyễn Thị H (397m²); ông Nguyễn Tấn Đ (463m²) còn lại theo đo đạc thực tế 11.600,6m².

- 01 Quyền sử dụng đất diện tích khoảng 4.466m², thuộc thửa số 124, tờ bản đồ số 05, theo GCNQSDĐ số 03805QSDĐ/TU do UBND thị xã Tân Uyên cấp ngày 30/11/2004, đất tọa lạc tại tổ 3, khu phố K, phường T, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Đăng ký biến động ngày 17/9/2007 nội dung tặng cho: Ông Nguyễn Tấn B (431m²); bà Nguyễn Thị T (496m²); ông Nguyễn Tấn P (362m²); ông Nguyễn Tấn V (662m²); bà Nguyễn Thị N (580m²); bà Nguyễn Thị H (397m²); ông Nguyễn Tấn Đ (463m²) còn lại theo đo đạc thực tế 1.926,4 m².

Về nguồn gốc đất: Đất trên là của ông B, bà L thừa kế từ ông bà cách đây rất lâu. Ông B, bà L đã canh tác, trồng trọt cây lúa trên đất từ trước khi sinh ra bà T. Năm 1961, bà L chết ông B đã một mình đứng ra quản lý sử dụng đất liên tục cho đến khi chết là năm 2012. Như vậy, trong khối di sản trên (trừ ngôi nhà không tính) thì ½ tài sản là của ông Nguyễn Văn B và ½ tài sản thuộc về bà Lâm Thị L. Bị đơn bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị N không đồng ý với yêu cầu chia di sản thừa kế của nguyên đơn vì cho rằng di sản thừa kế của ông B chỉ là ½ các tài sản trên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2015, bị đơn bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu phản tố về việc yêu cầu chia di sản của ông Nguyễn Văn B để lại là giá trị căn nhà cấp 4 mà hiện tại ông V đã đập phá toàn bộ để xây lại nhà mới. Ngày 01/9/2015, Bà Nguyễn Thị T có đơn xin rút lại yêu cầu phản tố.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Tấn Đ ông Nguyễn Hữu L thống nhất lời trình bày của nguyên đơn về phần di sản của ông Nguyễn Văn B và yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật. Bà Chi A Tắc, bà Nguyễn Thanh H, ông Nguyễn Tấn L có đơn xin giải quyết vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến.

Các bị đơn ông Nguyễn Tấn P, Nguyễn Tấn B và bà Nguyễn Thị H có đơn xin giải quyết vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/9/2017 người có quyền L, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị G trình bày: Di sản để lại là của ông Nguyễn Văn B, bà không có yêu cầu gì và đề nghị chia di sản thừa kế cho 07 người con của ông B.

Người có quyền L nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L (vợ của ông V) có đơn xin giải quyết vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị N thống nhất lời trình bày của nguyên đơn cho rằng toàn bộ di sản trên là của ông Nguyễn Văn B chứ không phải là tài sản chung của ông Nguyễn Văn B, bà Lâm Thị L, cũng không phải là tài sản chung của ông B, bà G. Lời trình bày của đại diện nguyên đơn, bị đơn bà T, bà N, người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Đ thống nhất về hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn B và yêu cầu chia di sản của ông Nguyễn Văn B theo qui định của pháp luật. Bà T, bà N yêu cầu chia chung một phần để dễ quản lý, sử dụng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên:

- Về tố tụng: Xác định trong quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán đã tiến hành các trình tự thủ tục tố tụng đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự thủ tục phiên tòa, tuy nhiên, đến thời điểm đưa vụ án ra xét xử là quá thời hạn luật định.

- Về nội dung: Nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế của ông B để lại là phù hợp với quy định của pháp luật đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định các phần đất tranh chấp là di sản của ông B để lại và chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản bằng hiện vật theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Các bị đơn ông Nguyễn Tấn P, ông Nguyễn Tấn B, bà Nguyễn Thị H, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Tấn Đ: Bà Chia A Tắc, ông

Nguyễn Tấn L, bà Nguyễn Thanh H, người có quyền L, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L, bà Bùi Thị G có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt người có quyền L, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ huyết thống và người thuộc hàng thừa kế thứ nhất: Lời trình bày của nguyên đơn ông Nguyễn Tấn V, bị đơn bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Hữu L thống nhất: Trước năm 1961, ông Nguyễn Văn B chung sống với bà Lâm Thị L có 03 người con chung gồm: bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Tấn Đ. Năm 1961, bà L chết. Sau năm 1961, ông B chung sống với bà Bùi Thị G có 04 người con chung là bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Tấn P, ông Nguyễn Tấn V và ông Nguyễn Tấn B. Bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị N xác định bà Bùi Thị G không có quan hệ vợ chồng với ông Nguyễn Văn B nên không có quan hệ thừa kế với ông Nguyễn Văn B và không được hưởng di sản của ông B để lại. Xét thấy, bà G chung sống với ông B từ năm 1966, có 04 người con, mặc dù không đăng ký kết hôn nhưng ông B, bà G chung sống với nhau trước ngày 01/1/1987 được các định là hôn nhân thực tế theo qui định tại khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc hội hướng dẫn về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 cho nên có cơ sở xác định bà G là vợ thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông B. Tuy nhiên, bà G tự nguyện không hưởng di sản của ông B mà để lại cho 07 người con của ông B, xét đây là ý chí tự nguyện của bà G, Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về di sản: Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn, bị đơn bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị N, người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Tấn Đ ông Nguyễn Hữu L xác định di sản của ông Nguyễn Văn B gồm:

- Quyền sử dụng đất diện tích 2.323m^2 , đo đạc thực tế là $1.926,4\text{m}^2$ thửa số 124, tờ bản đồ số 05, (đã trừ 63m^2 thuộc thửa 142) do UBND huyện Tân Uyên (nay là thị xã Tân Uyên) cấp cho ông Nguyễn Văn B theo GCNQSDĐ số 03805QSDĐ/TU do UBND huyện Tân Uyên cấp ngày 30/11/2004, (chỉnh lý ngày 05/1/2011, có 200m^2 đất thổ cư 90m^2 HLBVĐB). Trên đất ông Nguyễn Tấn V đã xây dựng một căn nhà cấp 4, diện tích $154,6\text{m}^2$. Theo biên bản định giá ngày 17/11/2016 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên thì giá đất ở là $3.800.000\text{đồng}/\text{m}^2$, giá đất nông nghiệp là $2.600.000\text{đồng}/\text{m}^2$.

- Diện tích đất 6.797m^2 (đo đạc thực tế $7.066,4\text{m}^2$) thuộc các thửa 553; 554; 583; 584; 585; 667; 668; 698; 699; 700 tờ bản đồ 03, theo GCNQSDĐ số 00543QSDĐ/TU do UBND huyện Tân Uyên cấp ngày 29/7/1999 cho ông Nguyễn Văn B, đất tọa lạc tại tổ 3, khu phố K, phường T, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Theo biên bản định giá ngày 17/11/2016 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên giá đất nông nghiệp là $550.000\text{đồng}/\text{m}^2$.

- Diện tích đất đo đạc thực tế là $2.579,3\text{m}^2$ thuộc các thửa 255, 256, 287 tờ bản đồ số 03 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00545 QSDĐ/TU ngày 29/7/1999 do UBND huyện Tân Uyên cấp cho ông Nguyễn Văn B. Theo biên bản định giá ngày 17/11/2016 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên giá đất nông nghiệp là $550.000\text{đồng}/\text{m}^2$.

Đại diện nguyên đơn, bị đơn bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị N, người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Tấn Đ xác định toàn bộ tài sản tranh chấp nêu trên là di sản của ông Nguyễn Văn B và yêu cầu chia di sản thừa kế theo quy định của pháp

luật. Đại diện nguyên đơn yêu cầu chia diện tích đất có nhà của ông Nguyễn Tấn V và bồi hoàn lại giá trị kỷ phần cho các thừa kế khác. Bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị N yêu cầu chia chung một phần ở thửa 124 và giáp mặt tiền đường. Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Tấn Đ yêu cầu chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Tấn B, ông Nguyễn Tấn P, bà Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến. Bà G xác định không hưởng phần di sản mà chia đều cho 07 người con của ông B.

Xét thấy, nguồn gốc các phần đất tranh chấp là của gia đình ông Nguyễn Văn B, ông B quản lý sử dụng và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông B chung sống với bà Lâm Thị L khi ông B chưa được thừa hưởng tài sản trên nên không có cơ sở xác định di sản trên là tài sản chung của ông B, bà L. Đối với việc ông B sống chung với bà Bùi Thị G, tại phiên tòa lời khai các đương sự thống nhất ông B, bà G không thường xuyên sống chung nên không có cơ sở xác định các bên tạo lập tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân. Do vậy, có căn cứ xác định các tài sản trên là tài sản riêng của ông Nguyễn Văn B, không phải là tài sản chung của ông Nguyễn Văn B và bà Bùi Thị G, lời trình bày của ông Nguyễn Tấn V, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Hữu L xác định toàn bộ các phần đất trên là di sản của ông Nguyễn Văn B là có căn cứ. Ông B được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên có quyền để lại thừa kế theo quy định tại Điều 734 Bộ luật dân sự 2005. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn B là có cơ sở chấp nhận.

[4] Ông Nguyễn Văn B chết năm 2012, không xác định ai là người quản lý di sản cho nên các con ông B tự quản lý sử dụng và canh tác các phần đất của ông B. Năm 2014, nguyên đơn có đơn khởi kiện chia di sản thừa kế các phần đất cho nên không xác định phần công sức giữ gìn phần di sản di sản của ông B. Ông B chết không để lại di chúc nên di sản được chia theo pháp luật theo quy định tại Điều 675 Bộ luật dân sự như sau:

- Quyền sử dụng đất diện tích 2.323m², đo đạc thực tế là 1.926,4 m² thuộc thửa số 124, tờ bản đồ số 05, do UBND huyện Tân Uyên (nay là thị xã Tân Uyên) cấp cho ông Nguyễn Văn B theo GCNQSDĐ số 03805QSĐĐ/TU ngày 30/11/2004, (chỉnh lý ngày 05/1/2011, có 200 m² đất thổ cư 90m² HLBVĐB) chia thành 07 phần, do ông V đã xây dựng nhà trên một phần diện tích đất nên cần giữ lưu cư cho ông V trên diện tích đất ông V đã xây dựng. Sau khi trừ diện tích đất ông V sử dụng, chiều ngang diện tích đất giáp đường ĐH 417 còn lại không đủ để chia đều cho các đương sự cho nên cần dành diện tích đất làm lối đi chung, diện tích còn lại chia thừa kế theo pháp luật. Diện tích đất đo đạc thực tế là 1.926,4 m², sau khi trừ diện tích dùng làm lối đi chung là 295m², diện tích còn lại là 1.631,4m² chia thừa kế thành 07 phần cho các đương sự, mỗi thừa kế được hưởng 233,1m² (trong đó có 28,6m² đất thổ cư), có giá trị: 640.380.000 đồng. Tuy nhiên, không thể chia đều các phần đất có vị trí giáp đường cho các đương sự cho nên cần chia cho bà N, bà T, ông V phần diện tích giáp đường ĐH 417 với diện tích ít hơn kỷ phần được hưởng vì vị trí giáp đường ĐH 417 hưởng huê L nhiều hơn nên chia diện tích đất ít hơn các thừa kế khác, cụ thể bà T, bà N ông V mỗi người được chia: 169,5m² (đã trừ hàng lang BVĐB). Diện tích còn lại chia đều cho chi các thừa kế còn lại, mỗi chi được hưởng 203,7m². Đối với phần đất thổ cư nếu chia đều cho các đồng thừa kế sẽ không đảm B diện tích xây dựng tối thiểu theo quy định của pháp luật nên cần giao cho ông V 100 m² đất thổ cư, bà N, bà T mỗi người 50 m². Ông V, bà N, bà T phải bồi hoàn lại giá trị quyền sử dụng đất thổ cư cho các thừa kế khác. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T, bà N về việc yêu cầu chia chung một phần.

Diện tích đất ông V đang sử dụng là $411,6\text{m}^2$ (đã trừ HLBVĐB) lớn hơn kỹ phần thừa kế ông V được hưởng là $215,1\text{m}^2$.

Đối với đất thổ cư thuộc thừa đất được chia là 200m^2 chia đều cho 07 chi thừa kế mỗi chi được $28,6\text{m}^2$. Như vậy, ông Nguyễn Tấn V phải bồi hoàn tiền chênh lệch kỹ phần thừa kế và tiền chênh lệch đất thổ cư cho các chi thừa kế khác gồm: ông B, ông P, bà H, chi thừa kế ông Đ, mỗi kỹ phần $30,7\text{m}^2$ (trong đó có $17,9\text{m}^2$ đất thổ cư) với giá trị là: $(17,9\text{m}^2 \text{ đất thổ cư} \times 3.800.000 \text{ đồng/m}^2 + 12,8\text{m}^2 \text{ giá đất nông nghiệp} \times 2.600.000 \text{ đồng/m}^2) = 101.300.000 \text{ đồng}$. Bà T, bà N được sử dụng 100m^2 đất thổ cư sau khi trừ phần đất thổ cư được hưởng mỗi người $28,6\text{m}^2$ ($200\text{m}^2:7$), bà T, bà N có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông B, ông P, bà H, chi thừa kế ông Đ, mỗi chi thừa kế là $10,7\text{m}^2$, có giá trị là: $10,7\text{m}^2 \times 3.800.000 \text{ đồng} = 40.660.000 \text{ đồng}$.

- Diện tích đất các thừa 553, 554, 583, 584, 585, 667, 668, 698, 699, 700 tờ bản đồ 03, diện tích đo đạc thực tế là $7.066,4\text{m}^2$ (có $72,7\text{m}^2$ HLBVĐB) theo GCNQSDĐ số 00543QSDĐ/TU do UBND huyện Tân Uyên cấp ngày 29/7/1999, đất tọa lạc tại tổ 3, khu phố K, phường T, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, sau khi trừ diện tích làm lối đi chung là $543,9\text{m}^2$, diện tích còn lại là $6.522,5\text{m}^2$ chia cho các thừa kế của ông B là 07 phần, mỗi phần $931,8\text{m}^2$, có giá trị: $512.490.000 \text{ đồng}$. Ông V tự nguyện không yêu cầu nhận bằng hiện vật và yêu cầu nhận bằng giá trị nên chia hiện vật là quyền sử dụng đất cho 06 phần, mỗi phần $1.087,1\text{m}^2$. Tuy nhiên, sau khi mở lối đi thì diện tích phần giáp đường đất người được chia hưởng huê L nhiều hơn các phần đất khác, do vậy, để đảm bảo quyền L của các đương sự, người được chia sử dụng phần đất giáp đường đất sẽ sử dụng diện tích đất ít hơn diện tích kỹ phần thừa kế, diện tích đất thuộc kỹ phần thừa kế còn lại chia đều cho các thừa kế khác. Do ông V không nhận thừa kế bằng hiện vật nên các chi thừa kế gồm Bà T, bà N, ông P, bà H, ông B, chi thừa kế ông Đ mỗi chi thừa kế phải bồi hoàn giá trị kỹ phần cho ông V với số tiền là $85.415.000 \text{ đồng}$ ($512.490.000 \text{ đồng} : 6$).

- Diện tích đất còn lại là các thừa: 255, 256, 287 $2.579,3\text{m}^2$ tờ bản đồ số 03, diện tích chia đều thành 07 kỹ phần, mỗi phần diện tích $368,5\text{m}^2$ có giá trị: $368,5\text{m}^2 \times 550.000 \text{ đồng} = 202.675.000 \text{ đồng}$, do ông V không yêu cầu nhận bằng hiện vật nên các thừa kế khác được chia bằng hiện vật phải bù hoàn giá trị quyền sử dụng đất cho ông V. Cụ thể, mỗi chi phải thanh toán cho ông V số tiền: $33.779.166 \text{ đồng}$.

[5] Từ những phân tích trên, xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Tấn V về việc chia thừa kế đối với bị đơn bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Tấn P, ông Nguyễn Tấn B, bà Nguyễn Thị H, Nguyễn Tấn Đ. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Tấn V.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp.

Các đương sự phải nộp án phí, chi phí tố tụng theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 37; Điều 147, Điều 227; Điều 228; Điều 243; Điều 244; Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng các Điều 631, 632, 633, 634, 635, 674, 675, 676, 677, 733, 734, 735 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 50 của Luật đất đai năm 2003; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Tấn V về việc chia thừa kế đối với bị đơn bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Tấn P, ông Nguyễn Tấn B, bà Nguyễn Thị H như sau:

1.1 Xác định diện tích 2.323m², đo đạc thực tế là 1.926,4m² (trong đó có 200 m² đất thổ cư) thuộc thửa số 124, tờ bản đồ số 05, do UBND huyện Tân Uyên (nay là thị xã Tân Uyên) cấp cho ông Nguyễn Văn B theo GCNQSDĐ số 03805QSDĐ/TU ngày 30/11/2004 là di sản của ông Nguyễn Văn B, được chia như sau: Xác định diện tích đất 295m² dùng làm lối đi chung, phần đất còn lại là 1.631,4 m² được chia như sau:

- Bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị N được quyền sử dụng chung diện tích 374,4 m² (trong đó có 100m² đất ODT, chưa trừ HLBVĐB), có ký hiệu A1 trên sơ đồ kèm theo. Bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch đất thổ cư cho ông Nguyễn Tấn B, ông Nguyễn Tấn P, bà Nguyễn Thị H, chi thừa kế của ông Nguyễn Tấn Đ (do ông Nguyễn Hữu L đại diện) mỗi chi thừa kế số tiền 40.660.000 đồng. (Bốn mươi triệu sáu trăm sáu mươi ngàn đồng).

- Ông Nguyễn Tấn V được quyền sử dụng 442,2 m² (trong đó có 100m² đất ODT, chưa trừ HLBVĐB) ký hiệu A2 trên sơ đồ kèm theo. Ông Nguyễn Tấn V phải bồi hoàn tiền chênh lệch kỹ phần thừa kế và tiền chênh lệch đất thổ cư cho các chi thừa kế khác gồm: Ông B, ông P, bà H, chi thừa kế ông Đ (do ông Nguyễn Hữu L đại diện), mỗi chi thừa kế số tiền 101.300.000 đồng (Một trăm lẻ một triệu ba trăm ngàn đồng).

- Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Tấn Đ gồm bà Chia A Tắc, ông Nguyễn Hữu L, ông Nguyễn Tấn L, bà Nguyễn Thanh H được quyền sử dụng diện tích đất 203,7m² có ký hiệu A3 trên sơ đồ kèm theo; Ông Nguyễn Tấn V có trách nhiệm tháo dỡ nhà tạm diện tích 36,1m² để giao đất cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Tấn Đ.

- Ông Nguyễn Tấn P được quyền sử dụng 203,7m² có ký hiệu A4 trên sơ đồ kèm theo; Ông Nguyễn Tấn B được quyền sử dụng 203,7m² có ký hiệu A5 trên sơ đồ kèm theo, bà Nguyễn Thị H được quyền sử dụng chia diện tích 203,7m² có ký hiệu A6 trên sơ đồ kèm theo.

1.2 Xác định diện tích đất đo đạc thực tế là 2.579,3m² gồm các thửa 255, 256, 287 tờ bản đồ số 03 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00545 QSDĐ/TU ngày 29/7/1999 do UBND huyện Tân Uyên (nay là thị xã Tân Uyên) cấp cho ông Nguyễn Văn B là di sản của ông Nguyễn Văn B, được chia như sau:

- Bà Nguyễn Thị N được quyền sử dụng diện tích đất 426,1m² có ký hiệu B1 trên sơ đồ đính kèm.

- Bà Nguyễn Thị T được quyền sử dụng 426,1m² có ký hiệu B2 trên sơ đồ đính kèm.

- Bà Nguyễn Thị H được quyền sử dụng diện tích đất 426 m² có ký hiệu B3 trên sơ đồ đính kèm.

- Ông Nguyễn Tấn P được quyền sử dụng diện tích đất 433,7m² có ký hiệu B4 trên sơ đồ đính kèm.

- Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Tấn Đ (gồm bà Chi A Tắc, ông Nguyễn Hữu L, ông Nguyễn Tấn L, bà Nguyễn Thanh H) được quyền sử dụng diện tích: 433,7m² có ký hiệu B5 trên sơ đồ đính kèm.

- Ông Nguyễn Tấn B được quyền sử dụng diện tích 433,7m² có ký hiệu B6 trên sơ đồ đính kèm.

Các thừa kế của ông Nguyễn Tấn Đ (gồm bà Chia A Tắc, ông Nguyễn Hữu L, ông Nguyễn Tấn L, bà Nguyễn Thanh H), ông B, bà T, bà N, bà H, ông P mỗi chi thừa kế phải thanh toán lại giá trị kỷ phần thừa kế cho ông Nguyễn Tấn V là 33.779.166 đồng (Ba mươi ba triệu bảy trăm bảy mươi chín ngàn một trăm sáu mươi sáu đồng)

1.3 Xác định diện tích đất đo đạc thực tế là 7.066,4m² (có 72,7m² HLBVĐB) gồm các thửa 553, 554, 583, 584, 585, 667, 668, 698, 699, 700 tờ bản đồ 03, diện tích theo GCNQSDĐ số 00543QSDĐ/TU do UBND huyện Tân Uyên cấp ngày 29/7/1999 cho ông Nguyễn Văn B là di sản của ông Nguyễn Văn B, được chia thừa kế theo pháp luật như sau:

- Xác định diện tích là 543,9m² dùng làm lối đi chung trên sơ đồ kèm theo;
- Bà Nguyễn Thị N được quyền sử dụng diện tích đất 1.145,4 m² có ký hiệu C1 trên sơ đồ đính kèm.
- Bà Nguyễn Thị T được quyền sử dụng 1.144,4 m² có ký hiệu C2 trên sơ đồ đính kèm.
- Bà Nguyễn Thị H được quyền sử dụng diện tích đất 1.144,3 m² có ký hiệu C3 trên sơ đồ đính kèm.
- Ông Nguyễn Tấn P được quyền sử dụng diện tích đất 1.144,2m² có ký hiệu C4 trên sơ đồ đính kèm.
- Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Tấn Đ (gồm bà Chia A Tắc, ông Nguyễn Hữu L, ông Nguyễn Tấn L, bà Nguyễn Thanh H) được quyền sử dụng diện tích: 1.144,2m² có ký hiệu C5 trên sơ đồ kèm theo.
- Ông Nguyễn Tấn B được quyền sử dụng diện tích 800m² có ký hiệu C6 trên sơ đồ đính kèm.

Các thừa kế của ông Nguyễn Tấn Đ (gồm bà Chia A Tắc, ông Nguyễn Hữu L, ông Nguyễn Tấn L, bà Nguyễn Thanh H), ông B, bà T, bà N, bà H, ông P mỗi chi thừa kế phải thanh toán lại giá trị kỷ phần thừa kế cho ông Nguyễn Tấn V là 85.415.000 đồng (Tám mươi lăm triệu bốn trăm mười lăm ngàn đồng).

Sau khi khấu trừ nghĩa vụ thanh toán của ông Nguyễn Tấn V đối với các chi thừa kế khác được quyết định tại phần 1.1 và nghĩa vụ thanh toán của các chi thừa kế khác đối với ông V được quyết định tại phần 1.2, 1.3 thì số tiền còn lại chi thừa kế gồm: Các thừa kế của ông Nguyễn Tấn Đ (gồm bà Chia A Tắc, ông Nguyễn Hữu L, ông Nguyễn Tấn L, bà Nguyễn Thanh H), ông B, bà T, bà N, bà H, ông P mỗi chi thừa kế phải thanh toán cho ông Nguyễn Tấn V là 17.894.166 đồng (Mười bảy triệu tám trăm chín mươi bốn ngàn một trăm sáu mươi sáu đồng).

Các thừa kế của ông Nguyễn Tấn Đ (gồm bà Chia A Tắc, ông Nguyễn Hữu L, ông Nguyễn Tấn L, bà Nguyễn Thanh H), ông Nguyễn Tấn B, ông Nguyễn Tấn V, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Tấn P được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo qui định của pháp luật.

Kiến nghị UBND thị xã Tân Uyên thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03805 QSDĐ/TU ngày 30/11/2004 cấp cho ông Nguyễn Văn B, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00543QSDĐ/TU 29/7/1999 cấp cho ông Nguyễn Văn B và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00545 QSDĐ/TU ngày 29/7/1999 cấp cho ông Nguyễn Văn B để cấp lại cho các đương sự theo quyết định của bản án này.

Khi án có hiệu lực, kể từ ngày người được thi hành án nộp đơn yêu cầu thi hành án, nếu người thi hành án không thanh toán số tiền phải trả thì hàng tháng còn

phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian, số tiền chưa thi hành án.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế đối với các thửa đất số 209, 257, 258 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00545 QSDĐ/TU ngày 29/7/1999 do UBND huyện Tân Uyên (nay là UBND thị xã Tân Uyên) cấp cho ông Nguyễn Văn B và yêu cầu chia thừa kế đối với diện tích đất 63m² thuộc thửa 124.

3. Về chi phí tố tụng: Các đương sự gồm: các thừa kế của ông Nguyễn Tấn Đ (gồm bà Chia A Tắc, ông Nguyễn Hữu L, ông Nguyễn Tấn L, bà Nguyễn Thanh H), ông Nguyễn Tấn B, ông Nguyễn Tấn V, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Tấn P mỗi chi thừa kế phải nộp 2.000.000 đồng chi phí thẩm định, định giá tài sản để hoàn trả lại cho nguyên đơn ông Nguyễn Tấn V.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Các thừa kế của ông Nguyễn Tấn Đ (gồm bà Chia A Tắc, ông Nguyễn Hữu L, ông Nguyễn Tấn L, bà Nguyễn Thanh H), ông Nguyễn Tấn B, ông Nguyễn Tấn V, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Tấn P mỗi chi thừa kế phải nộp 52.633.500 đồng (Năm mươi hai triệu sáu trăm ba mươi ba ngàn năm trăm đồng).

Nguyên đơn ông Nguyễn Tấn V được khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp là 1.500.000 đồng theo biên lai thu tiền số 04875 ngày 03/4/2014 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên, ông V còn phải nộp 51.133.500 đồng (Năm mươi một triệu một trăm ba mươi ba ngàn năm trăm đồng).

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền L nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền L nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị N Anh – Đào Văn Nô

Nguyễn Tấn Tâm

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Tân Uyên;
- Chi cục THADS thị xã Tân Uyên;
- Đương sự;
- Lưu VT, Hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Tấn Tâm